

Số: /QĐ-UBND Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán: Đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính, bản trích đo địa chính; đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính xã Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Luật Đo đạc và Bản đồ ngày 14/6/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ; Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ Quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 39/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ: Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ Quy định mức

lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2018 của Thủ tướng chính phủ về chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý đất đai và xây dựng hệ thống thông tin đất đai; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ: Tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2023 và những năm tiếp theo; Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2024 và những năm tiếp theo; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc khẩn trương tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ đo đạc lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai; lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 15/2024/TT-BTNMT ngày 20/9/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số nội dung của các Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý; Thông tư số 03/2020/TT-BTNMT ngày 29/05/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật mạng lưới trạm vệ tinh quốc gia; Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai; Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; Thông tư số 15/2024/TT-BTNMT ngày 20/9/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số nội dung của các Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý; Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về đo đạc lập bản đồ địa chính; Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai; Thông tư số 19/2026/TT-BNNMT ngày 30/03/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định kỹ thuật thực hiện

lồng ghép nội dung đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;

Căn cứ Kế hoạch số 02/KH-BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kế hoạch số 2959/KH-BNNMT-BCA ngày 29/3/2026 của liên Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công an về tăng cường đẩy mạnh công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;

Căn cứ Quyết định số 575/QĐ-BNNMT ngày 01/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Công văn số 3787/BTNMT-CDKDLTĐĐ ngày 26/05/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đẩy nhanh tiến độ xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương; Công văn số 1433/CQLĐĐ-ĐĐĐKĐĐ ngày 22/4/2026 của Cục Quản lý đất đai về việc góp ý đối với Thiết kế kỹ thuật - Dự toán đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn 03 xã: Chiềng Sơn, Vân Hồ và Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La; Công văn số 1435/CQLĐĐ-TKKKTĐĐ ngày 22/4/2026 của Cục Quản lý đất đai hướng dẫn kỹ thuật xây dựng, duy trì và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai; Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tăng cường công tác lãnh đạo, quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 124-KH/TU ngày 20/9/2022 của Tỉnh ủy Sơn La về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/06/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao; Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ngày 15/05/2025 của UBND tỉnh Sơn La Ban hành quy định cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai và đo đạc bản đồ trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 108/2025/QĐ-UBND ngày 18/10/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 109/2025/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của UBND tỉnh Sơn La Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập, chỉnh lý, quản lý bản đồ địa chính; lập hồ sơ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 của UBND tỉnh Sơn La về việc cho

phép tiếp tục thực hiện các nội dung về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp và trình tự, thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2010/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc cho phép lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán (dự án): “Đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính, bản trích đo địa chính; đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính xã Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La”.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 684/TTr-SNNMT ngày 21/6/2026 và Báo cáo kết quả thẩm định số 836/BC-SNNMT ngày 21/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. *Phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán: “Đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính, bản trích đo địa chính; đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính xã Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La”, với những nội dung chính như sau:*

1. Tên Thiết kế kỹ thuật - Dự toán: *“Đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính, bản trích đo địa chính; đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính xã Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La”.*

2. Quy mô và địa điểm thực hiện

Đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ, bản trích đo địa chính, kê khai đăng ký, cấp GCNQSD đất, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên toàn bộ diện tích đất khép kín đơn vị hành chính xã Quỳnh Nhai (trừ diện tích đất lâm nghiệp, diện tích đã thực hiện dự án khác).

3. Mục đích của Thiết kế kỹ thuật - Dự toán

- Đo đạc bổ sung, đo đạc lập lại, đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính, đo đạc chỉnh lý bản trích đo bản đồ địa chính nhằm hoàn thiện bản đồ địa chính đồng bộ, khép kín ranh giới hành chính xã Quỳnh Nhai.

- Đảm bảo mục tiêu của Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy nhanh tiến độ đo đạc lập bản đồ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai. Kế hoạch số 2959/KH-BNNMT-BCA ngày 29/3/2026 của liên Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công an về tăng cường đẩy mạnh công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai: Phấn đấu đến hết tháng 12 năm 2026, hoàn thành 100% công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính đối với các khu vực chưa có bản đồ địa chính chính quy và chỉnh lý biến động đối với các khu vực đã có bản đồ;

- Đảm bảo toàn bộ các thửa đất của xã đều được tạo lập dữ liệu số. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai của tỉnh, đảm bảo dữ liệu “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung”, sẵn sàng kết nối, chia sẻ liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

- Đăng ký đất đai cho tất cả các đối tượng đang quản lý, sử dụng đất trên địa bàn xã theo hệ thống bản đồ địa chính mới; xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính số hiện đại, phục vụ quản lý đất đai đầy đủ, thống nhất và có độ tin cậy cao, mọi biến động được cập nhật thường xuyên đầy đủ.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai đồng bộ, thống nhất, được tích hợp vào hệ thống thông tin đất đai tập trung của tỉnh, cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin về đất đai. Kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Góp phần hoàn thành công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Sơn La đối với lĩnh vực đất đai theo đúng Kế hoạch số 251/KH-UBND ngày 01/11/2021 của UBND tỉnh Sơn La về Triển khai thực hiện Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 31/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Góp phần đẩy nhanh công tác chuyển đổi số trong cộng đồng dân cư và doanh nghiệp, góp phần đưa Việt Nam thành quốc gia số.

- Xây dựng được một bộ bản đồ địa chính chính quy, hệ thống hồ sơ địa chính số đồng bộ, thống nhất, có độ tin cậy cao, phản ánh đúng hiện trạng sử dụng của từng thửa đất, phục vụ quản lý đất đai được đầy đủ, đảm bảo mọi biến động được cập nhật chính lý đầy đủ kịp thời trên nền tảng công nghệ hiện đại.

- Đảm bảo quyền lợi hợp pháp, chính đáng và nghĩa vụ của tổ chức, gia đình, cá nhân sử dụng đất thông qua công tác xác định ranh giới, đo đạc, đăng ký đất đai, cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Giúp chính quyền các cấp nắm rõ được những thông tin chi tiết về đất đai, nguồn lực từ tài nguyên đất đai tại địa phương, làm cơ sở xây dựng các giải pháp, định hướng quản lý đất đai, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế - xã hội, trật tự an toàn xã hội và an ninh quốc phòng trên địa bàn.

- Tránh lãng phí ngân sách do đầu tư một cách manh mún, rời rạc, không đồng bộ dẫn đến kém hiệu quả trong đầu tư, khai thác sản phẩm.

4. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

5. Đơn vị tư vấn lập: Công ty TNHH Tư vấn Tài nguyên Môi trường Thành Công.

6. Nội dung Thiết kế kỹ thuật

* Đo đạc lập bản đồ địa chính:

- Xây dựng lưới địa chính: 11 điểm

- Đo đạc bản đồ địa chính 9.286,73 ha.

*** Đăng ký, cấp GCN:**

Theo số liệu tổng hợp tình hình cấp giấy chứng nhận và khảo sát nhu cầu thực tế, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất khoảng 10.509 hồ sơ.

*** Cập nhật, bổ sung và tích hợp CSDL địa chính:**

Cơ sở dữ liệu địa chính được cập nhật, bổ sung và tích hợp vào hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai thuộc dự án Vilg cho 37.423 thửa đất.

7. Định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng theo Quyết định số 109/2025/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của UBND tỉnh Sơn La Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập, chỉnh lý, quản lý bản đồ địa chính; lập hồ sơ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La.

8. Tổng dự toán: 38.209.103.420 VNĐ (Đã bao gồm thuế giá trị gia tăng VAT). Bằng chữ: (Ba mươi tám tỷ, hai trăm linh chín triệu, một trăm linh ba nghìn, bốn trăm hai mươi đồng).

Trong đó:

a. Chi phí lập TKKT - DT là:	404.039.641 đồng.
b. Chi phí thực hiện TKKT - DT là:	36.191.695.939 đồng.
- Lập lưới địa chính:	305.853.289 đồng.
- Đo vẽ bản đồ địa chính:	24.490.365.309 đồng.
- Đăng ký, cấp Giấy CNQSD đất. Trong đó:	10.791.115.847 đồng.
+ Đặt hàng VPĐKĐĐ thực hiện:	3.111.329.309 đồng.
+ Nhà thầu thực hiện:	7.679.786.538 đồng.
- Cơ sở dữ liệu địa chính. Trong đó:	604.361.495 đồng.
+ Đặt hàng VPĐKĐĐ thực hiện:	230.955.104 đồng.
+ Nhà thầu thực hiện:	373.406.391 đồng.
c. Chi phí khác (kiểm tra, nghiệm thu):	1.415.669.017 đồng.
d. Chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu:	197.698.823 đồng.

9. Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh và ngân sách trung ương (nếu có).

10. Thời gian thực hiện: Năm 2026-2027.

11. Phương thức thực hiện:

- Phương thức đấu thầu;

- Đặt hàng dịch vụ công cho Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

12. Sản phẩm của Thiết kế kỹ thuật - Dự toán

a) Lưới địa chính gồm: Mốc, hồ sơ theo quy định và thành quả đo đạc, tính toán bình sai lưới địa chính.

b) Đo đạc bản đồ địa chính gồm:

- Bản đồ địa chính các tỷ lệ 1/1.000, 1/2.000, 1/5.000 được tiếp biên đồng bộ với các tài liệu đo vẽ thuộc khu vực tiếp giáp;

- Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất, kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất, Bảng tổng hợp diện tích, số thửa và số người sử dụng đất, người quản lý đất theo kết quả lập bản đồ địa chính dạng giấy và dạng số;

- Các sản phẩm được quy định tại Điều 24 Thông tư số 26/2024/TTBTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về đo đạc lập bản đồ địa chính.

c) Hồ sơ địa chính gồm: Sổ mục kê đất đai, sổ địa chính, sổ cấp Giấy chứng nhận, bản sao Giấy chứng nhận và hồ sơ đăng ký đất đai.

d) Cơ sở dữ liệu địa chính được tích hợp vào hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai tập trung tỉnh Sơn La.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chủ đầu tư)

a) Căn cứ nội dung nhiệm vụ được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan, UBND xã Quỳnh Nhai triển khai Thiết kế kỹ thuật - Dự toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai các quy trình thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình trình phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán tại Quyết định này; chịu trách nhiệm về kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai sót kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

c) UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường đặt hàng cho Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện đối với các hạng mục, khối lượng thuộc công đoạn đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận và xây dựng, tích hợp cơ sở dữ liệu địa chính.

2. Sở Tài chính: Cân đối, bố trí nguồn kinh phí sau khi Thiết kế kỹ thuật

- Dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt để đảm bảo triển khai thực hiện và thanh quyết toán việc sử dụng nguồn vốn theo kế hoạch, tiến độ; tổng hợp, báo cáo nguồn kinh phí thực hiện để UBND tỉnh trình HĐND tỉnh theo quy định.

3. UBND xã Quỳnh Nhai: Theo chức năng và nhiệm vụ quyền hạn phối hợp với các Sở, ban, ngành trong quá trình tổ chức thực hiện Thiết kế kỹ thuật - Dự toán đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X; Chủ tịch UBND xã Quỳnh Nhai; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- TT tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKT - Thiện 15 bản.

báo cáo

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

PHỤ LỤC: BIỂU DỰ TOÁN CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Sơn La)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Chi phí trực tiếp	CP chung 25-15%	Thành tiền (Đồng)	Thuế VAT (8%)	Tổng cộng (Đồng)	
								VPĐK thực hiện	Tổ chức đấu thầu
A	ĐO ĐẠC LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH, KÊ KHAI, ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QSDĐ, XÂY DỰNG CSDL ĐẤT ĐAI			27.748.783.425	5.762.046.149	33.510.829.573	2.680.866.366	3.342.284.412	32.849.411.527
I	LƯỚI ĐỊA CHÍNH		11	227.802.293	55.395.196	283.197.490	22.655.799	-	305.853.289
II	ĐO ĐẠC, LẬP BDDC		9.286,73	18.345.878.602	4.330.385.573	22.676.264.175	1.814.101.134	0	24.490.365.309
1	Tỷ lệ 1/1.000	Ha	418,42	3.035.920.387	715.178.994	3.751.099.381	300.087.950	0	4.051.187.332
2	Tỷ lệ 1/2.000	Ha	3.525,56	9.460.633.107	2.208.346.318	11.668.979.424	933.518.354	0	12.602.497.778
3	Tỷ lệ 1/5.000	Ha	5.167,22	5.172.613.981	1.254.700.341	6.427.314.323	514.185.146	-	6.941.499.468
4	Chỉnh lý bản đồ tỷ lệ 1/500 biến động từ 25% đến 40%	Ha	175,53	676.711.127	152.159.920	828.871.047	66.309.684	0	895.180.731
III	KÊ KHAI, ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QSDĐ		10.509	8.688.499.071	1.303.274.861	9.991.773.932	799.341.915	3.111.329.309	7.679.786.538
1	Đăng ký, cấp GCN lần đầu đồng loạt đối với cá nhân ở xã	Hồ sơ	3.790	3.104.227.922	465.634.188	3.569.862.110	285.588.969	890.152.653	2.965.298.426
2	Đăng ký, cấp đổi GCN đồng loạt tại xã	Hồ sơ	6.420	5.320.321.140	798.048.171	6.118.369.311	489.469.545	2.221.176.656	4.386.662.200
3	Đăng ký cấp giấy chứng nhận lần đầu đất tổ chức	Hồ sơ	38	67.310.149	10.096.522	77.406.671	6.192.534	-	83.599.205
4	Đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận đất tổ chức	Hồ sơ	261	196.639.861	29.495.979	226.135.840	18.090.867	-	244.226.707
IV	CẬP NHẬT, BỔ SUNG CSDL ĐỊA CHÍNH	Thửa	37.423	486.603.458	72.990.519	559.593.976	44.767.518	230.955.104	373.406.391

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Chi phí trực tiếp	CP chung 25-15%	Thành tiền (Đồng)	Thuế VAT (8%)	Tổng cộng (Đồng)	
								VPĐK thực hiện	Tổ chức đấu thầu
B	CHI PHÍ KHÁC NGOÀI ĐƠN GIÁ								2.017.407.481
1	Lập TKKT-DT					374.110.778	29.928.862	0	404.039.641
2	Chi phí giám sát, kiểm tra nghiệm thu					1.310.804.646	104.864.372	0	1.415.669.017
3	Tổ chức lựa chọn nhà thầu								197.698.823
3.1	Gói thi công								185.698.823
3.1	Gói kiểm tra, nghiệm thu								12.000.000
	TỔNG DỰ TOÁN							3.342.284.412	34.866.819.008

**Trong quá trình thi công nếu có thay đổi chế độ chính sách thuộc lĩnh vực tài chính của Nhà nước thì khi quyết toán kinh phí sẽ được tính lại cho phù hợp.*

** Chỉ thanh toán kinh phí cho hạng mục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận lần đầu dựa trên số lượng thửa đất, số lượng hồ sơ thực tế đạt yêu cầu và có danh sách được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt.*